



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 247 + 248

Ngày 15 tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-7-2026	Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	04
29-7-2026	Quyết định số 57/2026/QĐ-CTUBND ban hành Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	11

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

13-7-2026	Quyết định số 4276/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.	25
-----------	---	----

- | | | |
|-----------|---|----|
| 13-7-2026 | Quyết định số 4286/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. | 30 |
| 14-7-2026 | Quyết định số 4304/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch – Kiến trúc. | 32 |
| 14-7-2026 | Quyết định số 4305/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. | 62 |
| 14-7-2026 | Quyết định số 4308/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đăng kiểm và thay thế lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. | 67 |
| 14-7-2026 | Quyết định số 4312/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. | 72 |
| 15-7-2026 | Quyết định số 4344/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương. | 74 |

-
- | | | |
|-----------|---|----|
| 17-7-2026 | Quyết định số 4405/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương. | 76 |
| 18-7-2026 | Quyết định số 4424/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trước hợp nhất về lĩnh vực quốc phòng. | 78 |
| 18-7-2026 | Quyết định số 4448/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương. | 80 |
| 18-7-2026 | Quyết định số 4452/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | 82 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 6 năm 2025);

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN-KL ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16051/TTr-SNNMT-CCKL ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5216/BC-STP ngày 14 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quy định cấp dự báo cháy rừng, bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V, cụ thể:

a) Cấp I (cấp thấp): Ít có khả năng cháy rừng, khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số I;

b) Cấp II (cấp trung bình): Có khả năng cháy rừng; khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số II;

c) Cấp III (cấp cao): Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng; chú trọng phòng cháy các loại rừng (như: Tràm, Bạch đàn, Keo, Tre nứa); khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số III;

d) Cấp IV (cấp nguy hiểm): Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài, có nguy cơ cháy rừng lớn, tốc độ lan lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số IV;

đ) Cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm): Thời tiết khô, hạn kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng; tốc độ lửa lan rất nhanh, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số V.

2. Ký hiệu biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5 m; vành trong 1,8 m nền trắng, xung quanh viền màu đỏ và có mũi tên (quay được) chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng được đặt ở cửa rừng, ven rừng, trong rừng trọng điểm cháy rừng. Biển báo làm bằng gỗ hoặc kim loại nhẹ dễ bảo quản, cất giữ trong mùa mưa, cột bằng sắt hoặc bằng gỗ chắc, cỡ kích của biển báo theo Sơ đồ tại khoản 3 Điều 2.

3. Sơ đồ biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng:



Điều 3. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Việc dự báo cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện thông qua việc xác định độ ẩm vật liệu cháy.

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo quan hệ độ ẩm vật liệu cháy với khả năng phát sinh cháy rừng như sau:

Cấp cháy	W% (Độ ẩm vật liệu cháy)	Mức trắc nếu bề vật liệu cháy	Khả năng cháy rừng	Tính cách của đám cháy
I	35-45	Dai, tay nắm có cảm giác ướt	Ít có khả năng cháy rừng	
II	25-35	Gấp đôi được	Có khả năng cháy rừng	Cường độ thấp
III	12-25	Gãy kêu lách tách	Dễ xảy ra cháy rừng	Cường độ trung bình
IV	10-15	Gãy kêu to	Dễ xảy ra cháy rừng và nguy cơ cháy	Tốc độ lan tràn của lửa nhanh; rất nóng, khó kiểm soát
V	< 10	Vò nát tinh	Rất dễ xảy ra cháy rừng, cực kỳ nguy hiểm	Tốc độ lan tràn của lửa rất nhanh, thất thường, khó kiểm soát

Trong đó: W% là phần trăm giá trị độ ẩm vật liệu cháy được tính theo công thức:

$W\% = \frac{m_1 - m_2}{m_1} \times 100$, trong đó: m1 là khối lượng vật liệu cháy còn ướt (kg/m²), m2 là khối lượng vật liệu khô (kg/m²).

Điều 4. Mùa cháy rừng, vùng trọng điểm xảy ra cháy rừng

1. Mùa cháy rừng:

Mùa có khả năng cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian 05 tháng, từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 4 năm sau.

2. Vùng trọng điểm xảy ra cháy rừng:

a) Đặc điểm vùng rừng: Ở ven rừng và đất lâm nghiệp các hộ dân sinh sống, canh tác phần lớn sống dựa vào nghề nông, hệ thống đường giao thông, các lối mòn dẫn vào rừng, xung quanh rừng thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội nhưng vào mùa khô gây khó khăn cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Trong các khu rừng một số hộ dân cư trú, sinh sống, ngoài ra còn có một bộ phận người dân sống theo thời vụ làm nương

rẫy trong rừng, trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày và cây ăn trái lâu năm xen kẽ vào trong và ven rừng. Bên cạnh đó một số ít người dân sinh sống với nghề khai thác đá chẻ làm vật liệu xây dựng, lấy mật ong, vào rừng lấy củi, săn bắt chim thú rừng... vào mùa khô;

b) Các nguy cơ cháy rừng: Mùa khô kéo dài các hệ thống khe, suối nguồn nước cạn kiệt, rừng rụng lá nhiều, các loại cỏ khô tạo vật liệu cháy trong rừng. Diện tích rừng phần lớn nằm trên địa hình có độ dốc cao, phức tạp, vào mùa gió mùa đông bắc (gió chướng) với cường độ mạnh nên khi xảy ra cháy rừng rất khó dập tắt ngọn lửa. Vào các ngày Lễ, Tết khách du lịch từ các nơi đến tham quan du lịch, đi lễ chùa; học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu, hội trại trong rừng; người dân địa phương canh tác nông nghiệp trong rừng vệ sinh rẫy sau thu hoạch; người dân sống phụ thuộc vào rừng như: đốt than, đốt ong lấy mật, đốt trắng cỏ lấy cỏ chăn nuôi gây cháy lan vào rừng; một số đối tượng đốt phá hoại, đốt rừng nhằm mục đích chiếm đất rừng;

c) Các khu vực rừng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- Khu vực đồi núi có độ dốc cao như núi Minh Đạm (323 m), núi Bao Quan (502 m), núi Ông Cầu (504 m), núi Thị Vải (467 m); núi Tóc Tiên (428 m); thực bì gây cháy chủ yếu là tre, le, lá khô dưới tán rừng; phần lớn diện tích bề mặt địa hình chia cắt mạnh, nhiều khe dốc hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Khu vực các bưng trũng nơi tập trung các loại cỏ dương xỉ, cây bụi tái sinh...phát triển mạnh vào mùa mưa, vào mùa khô khi xác thực vật chết khô tạo nên lớp thảm mục dày gây cháy ngầm;

- Khu vực sườn Đông Núi Cậu tiếp giáp với đất nông nghiệp của nhiều người dân địa phương, kết hợp với lượng khách vào rừng vui chơi giải trí nhiều nên nguy cơ cháy rừng xảy ra rất cao, cụ thể gồm: khu vực Bộ đội thông tin, Suối bà khoảng 2,4 tiểu khu 15; Rừng trồng, Đảo ba nhiên, khu vực đất Út Yên khoảng 3,4,7 tiểu khu 15, khoảng 1,3 tiểu khu 16; Bãi tập bắn, Bãi xe tăng khoảng 2,5,7,10 tiểu khu 16; Hồ Than thở khoảng 9,10 tiểu khu 16; Chùa Thái Sơn khoảng 6,8 tiểu khu 16; Văn phòng áp Thala, Hồ Than Thở đến bãi xe tăng khoảng 8,9 tiểu khu 16; phần lớn diện tích bề mặt địa hình phức tạp, có nhiều khu vực khe dốc đồi núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, thực bì gây cháy chủ yếu là cỏ tranh, cỏ Mỹ, lau lách, le, trúc đá, lá khô dưới tán rừng, (trong đó: le và trúc đá là loại thực bì chiếm ưu thế) và cây bụi. Do đó, khi có điều kiện thảm thực bì được tích lũy nhiều năm sẽ tạo những vật liệu dễ xảy ra cháy rừng;

- Khu vực rừng trên địa bàn xã Bình Lợi, xã Tân Vĩnh Lộc và xã Vĩnh Lộc, thực

bì gây cháy chủ yếu là lá khô dưới tán rừng, thảm mục; tập trung các loại cỏ, cây bụi tái sinh phát triển mạnh vào mùa mưa, vào mùa khô khi xác thực vật chết khô tạo nên lớp thảm mục dày gây nguy cơ cháy.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện Quyết định này. Khi cấp dự báo cháy rừng đến cấp V, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định. Đồng thời chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, căn cứ tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn để dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng khi cấp dự báo đến cấp IV, cấp V.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời, liên tục hàng ngày khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp IV đến cấp V trên các bản tin để các địa phương, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động phòng ngừa.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có rừng:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ban Chỉ huy về phòng cháy chữa cháy rừng xã, phường, đặc khu, các ban, ngành, tổ chức đoàn thể, ấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định và khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III đến cấp V phải trực tiếp chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định; triển khai các phương án phòng cháy chữa cháy rừng phải đồng bộ và phù hợp với từng vùng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn. Thường xuyên thông tin tuyên truyền, cảnh báo cấp dự báo cháy rừng khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III đến cấp V trên các phương tiện thông tin đại chúng để cộng đồng dân cư, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động phòng ngừa;

b) Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được quyền huy động mọi lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.

4. Các đơn vị chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng:

a) Chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng và thực hiện

các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định;

b) Đôn đốc bố trí người trực gác lửa rừng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng;

c) Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, xã, phường, đặc khu kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc sử dụng lửa trong rừng và gần rừng của người dân, nhất là việc đốt nương làm rẫy; tạm dừng các hoạt động xử lý thực bì bằng lửa trong thời kỳ cao điểm về cháy rừng; tuyên truyền giáo dục về phòng cháy chữa cháy rừng và phát dọn thực bì, đốt nương rẫy đúng quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026, bãi bỏ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc các Ban Quản lý: Vườn Quốc gia Côn Đảo, Rừng phòng hộ, đặc dụng; Giám đốc các Công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cây trồng Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc Khu di tích Lịch sử địa đạo Củ Chi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có rừng; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2026/QĐ-CTUBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị
chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15.

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 21032/TTr-SNNMT-CCKL ngày 08 tháng 7 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Chỉ huy cấp Thành phố các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Chỉ huy cấp Thành phố các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an Thành phố, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2026/QĐ-CTUBND ngày 29 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng giữa các lực lượng phối hợp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; phát huy sức mạnh của toàn dân và của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo sự chỉ đạo, chỉ huy, điều hành thống nhất, tập trung; sự phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân các cấp từ Thành phố đến xã.

3. Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng phải kiên quyết, chủ động, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng

a) Các thiết bị, phương tiện cơ giới: Như xe chữa cháy, xe chữa cháy rừng, máy phun nước, máy thổi gió, cưa xăng, máy bơm chữa cháy xách tay, máy ủi, máy cày, máy phun đất, xe, máy chuyên dùng phun nước, hóa chất chữa cháy rừng và các phương tiện khác; thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại, bộ đàm, loa); thiết bị theo dõi flycam (thiết bị bay không người lái);

b) Dụng cụ thủ công: Như bàn đập lửa, dao, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây.

2. Hậu cần là:

a) Hậu cần cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng bao gồm: bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân, thuốc, bông băng cấp cứu và các thiết bị bảo hộ lao động khác có liên quan), nước uống và thực phẩm để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động tại địa phương;

b) Hậu cần cho phương tiện, thiết bị chữa cháy bao gồm: Xăng, dầu phục vụ cho phương tiện, thiết bị cơ giới; nước, hóa chất phục vụ cho xe, máy phun nước, hóa chất chữa cháy rừng; điếm lấy nước cho xe chữa cháy.

3. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng: Là hệ thống các công trình được thiết lập, xây dựng để thực hiện việc phòng cháy rừng hoặc sử dụng để chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra, bao gồm đường băng cản lửa, kênh, mương ngăn lửa; suối, hồ, đập, bể chứa nước, trạm bơm, hệ thống cấp nước chữa cháy; chòi quan sát phát hiện cháy rừng; hệ thống biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; hệ thống thông tin liên lạc; trung tâm dự báo, cảnh báo cháy rừng và các công trình khác phục vụ cho phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Đường băng trắng cản lửa: Là những dải đất trống đã được chặt trắng cây, thu dọn hết cây cỏ, thảm mục, vật liệu cháy hoặc đường lâm nghiệp, đường tuần tra bảo

vệ rừng nhằm ngăn cản lửa rừng khi xảy ra cháy.

5. Băng đốt trước (dùng lửa dập lửa): Trước đám cháy không xa, dọn hai băng song song bao quanh đám cháy; trên hai băng tiến hành dọn sạch tất cả vật liệu cháy ra bên ngoài về phía giữa hai băng, sau đó đốt từng đoạn, khi đốt phải thận trọng không để lửa cháy lan ra ngoài; tuyến lửa đốt trước này là tuyến có điều khiển, an toàn và khẩn trương; tùy theo tốc độ gió và quy mô đám cháy mà khoảng cách giữa hai băng cho thích hợp.

6. Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chữa cháy rừng

1. Chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ cho hoạt động chữa cháy rừng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và các lực lượng tham gia công tác chữa cháy rừng.

2. Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho Chính quyền địa phương và cơ quan chuyên trách về phòng cháy và chữa cháy rừng.

3. Chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các lực lượng được huy động tham gia chữa cháy rừng.

4. Thực hiện phương châm 04 tại chỗ để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi cháy rừng xảy ra, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Kết hợp 05 sẵn sàng bao gồm: thông tin, chỉ huy, lực lượng, phương tiện và hậu cần.

5. Trong quá trình chữa cháy rừng cần phải đảm bảo an toàn về người, tài sản, các công trình, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy rừng.

Điều 5. Yêu cầu trong chữa cháy rừng

1. Huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy.

2. Dập tắt lửa phải khẩn trương, kịp thời và triệt để.

3. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về mọi mặt.

4. Đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng, phương tiện, tài sản của nhân dân và người tham gia chữa cháy. Trường hợp có người bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu kịp thời, nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để có cơ sở giải quyết chính sách, chế độ cho người tham gia chữa cháy bị nạn theo quy định hiện hành.

5. Trong trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp thì việc chữa cháy rừng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ LỰC LƯỢNG CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 6. Phân công, phối hợp của các lực lượng tham gia chữa cháy rừng

1. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp Thành phố: Khi có cháy rừng lớn, hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh nhiều xã, lực lượng chữa cháy rừng cấp Thành phố quy định như sau:

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an Thành phố; Kiểm lâm; chủ rừng có rừng bị cháy; lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Bộ Tư lệnh Thành phố; các đơn vị Quân đội trung ương đóng quân trên địa bàn Thành phố; Công an Thành phố; các chủ rừng khác; lực lượng tại địa phương lân cận khi được huy động.

2. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp xã

a) Lực lượng chính gồm: Chủ rừng có rừng bị cháy; Kiểm lâm; tổ, đội bảo vệ rừng; tổ dân phòng, an ninh cơ sở lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, tổ dân phố; lực lượng nhân dân tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Công an cấp xã; Lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an Thành phố, Đội phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã và lực lượng địa phương lân cận.

Điều 7. Phân công, phối hợp chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng**1. Chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cấp xã hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường vụ cháy rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

b) Người đứng đầu các lực lượng tham gia chữa cháy có trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền thực hiện chữa cháy theo chỉ đạo, phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền.

2. Nhiệm vụ của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng

a) Nhiệm vụ của người chỉ đạo chữa cháy rừng: Chỉ đạo toàn diện hoạt động chữa cháy rừng; huy động, điều phối và phân công các lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện chữa cháy rừng như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần, y tế;

b) Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy rừng: Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; tổ chức khảo sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị cần thiết để chữa cháy, các biện pháp để chữa cháy; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng;

c) Quyết định phân chia khu vực chữa cháy và điều phối, chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực; phối hợp với các lực lượng tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy; áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân cháy rừng;

d) Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy rừng; sau khi dập tắt đám cháy, yêu cầu phải thường xuyên kiểm tra hiện trường để đám cháy không bùng phát trở lại;

đ) Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có

thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Điều 8. Trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị trong chữa cháy rừng

1. Trách nhiệm chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để huy động chữa cháy rừng cấp Thành phố;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để huy động chữa cháy rừng.

2. Trách nhiệm phối hợp: Thủ trưởng các đơn vị được huy động tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, hậu cần thuộc sự quản lý của đơn vị để tham gia chữa cháy.

Điều 9. Trách nhiệm báo cháy, chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng

1. Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

a) Chủ rừng;

b) Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất;

c) Cơ quan Kiểm lâm hoặc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất;

d) Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

2. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần

thiết khác biệt để chi viện chữa cháy; trường hợp cháy rừng xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng.

3. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy rừng phải tìm mọi biện pháp để ngăn chặn cháy lan và dập tắt đám cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy.

4. Chủ rừng và các lực lượng Công an, Kiểm lâm, Quân đội, Dân quân tự vệ, cơ quan hữu quan và các lực lượng khác có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy theo lệnh huy động của người có thẩm quyền.

5. Lực lượng Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khoanh vùng, hướng dẫn, phân luồng giao thông khu vực xảy ra cháy rừng, ngăn không cho người không có nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng tiếp cận hiện trường để tổ chức truy tìm, bắt giữ đối tượng gây cháy rừng (nếu có) và hỗ trợ lực lượng chữa cháy rừng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 10. Các biện pháp chữa cháy rừng

1. Biện pháp chữa cháy

a) Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp: Dùng lực lượng và phương tiện để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng đường băng trắng cản lửa, băng đốt trước (dùng lửa dập lửa), đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy;

b) Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp: Sử dụng tất cả các phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng bao gồm các thiết bị, phương tiện cơ giới và dụng cụ thủ công để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy trên bề mặt đất.

2. Phương pháp bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy

a) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì

phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy; dụng cụ thủ công như: như bàn đập lửa, dao, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây; máy bơm phun nước, máy bơm chữa cháy xách tay, máy thổi gió, cưa xăng;

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy gồm: xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, xe mô tô chữa cháy chuyên dụng, xe chở nước, máy bơm nước.

3. Chữa cháy rừng vào ban đêm

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định hình thức chữa cháy phù hợp, cụ thể:

a) Điều kiện cấp thực bì lớn, địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp;

b) Điều kiện cấp thực bì nhỏ, địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp.

Điều 11. Các nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng

1. Nhiệm vụ dẫn đường

Chủ rừng, chính quyền địa phương, Kiểm lâm có trách nhiệm dẫn đường tiếp cận đám cháy, đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Bố trí đủ người dẫn đường vào chữa cháy;
- b) Phải có hướng dẫn chỉ đường vào đám cháy;
- c) Phải có hướng dẫn lấy nước nếu khu vực xảy ra cháy có hồ nước, khe suối.

2. Nhiệm vụ tham mưu chỉ huy

Kiểm lâm chủ trì, chủ rừng phối hợp tham mưu các biện pháp chữa cháy cho Chỉ huy chữa cháy các cấp.

3. Nhiệm vụ hậu cần

Các lực lượng tham gia chữa cháy phải đảm bảo hậu cần, phương tiện, nhiên liệu cho đơn vị mình.

Điều 12. An toàn lao động khi chữa cháy rừng

Khi chữa cháy rừng phải thực hiện đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy; bảo đảm kênh thông tin liên lạc thông suốt, thông nhất tần số giữa các lực lượng trong quá trình tham gia chữa cháy rừng; lực lượng chữa cháy phải chuẩn bị đủ nước uống, bông, băng, thuốc bông, cáng và các dụng cụ cấp cứu khác. Trường hợp bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu kịp thời. Nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải tiến hành khai báo, điều tra, lập biên bản theo quy định của pháp luật để có cơ sở giải quyết chính sách, chế độ cho người bị tai nạn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

- a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên toàn Thành phố;
- b) Ban hành, phê duyệt các phương án, quy chế phối hợp và các văn bản chỉ đạo khác;
- c) Chỉ đạo huy động lực lượng, phương tiện cấp Thành phố để tham gia chữa cháy rừng khi cần thiết.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- a) Hằng năm, lập dự toán kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các đơn vị trực thuộc và phân bổ kinh phí đúng quy định;
- b) Hướng dẫn việc lập các phương án, dự án về phòng cháy, chữa cháy rừng theo thẩm quyền;
- c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng;
- d) Chỉ đạo các đơn vị, chủ rừng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ tại quy chế này và các nghĩa vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

3. Công an Thành phố

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, lực lượng Công an các cấp phối hợp với lực lượng Kiểm lâm hướng dẫn việc xây dựng, thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; tham gia ý kiến vào phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ rừng của chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã; huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; kiểm tra hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng; tham gia chữa cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;

c) Phát hiện, tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng; định kỳ hoặc đột xuất trao đổi với Sở Nông nghiệp và Môi trường những thông tin có liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý và bảo vệ rừng, tình hình tội phạm, kết quả điều tra và xử lý các vụ án;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho cán bộ chuyên trách điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

đ) Trực tiếp huy động, chỉ huy lực lượng Công an phối hợp với các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng theo sự chỉ đạo, điều hành Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc người được ủy quyền;

e) Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền và phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng thường xuyên, liên tục cho các chủ rừng, tổ chức, người dân có rừng.

4. Bộ Tư lệnh Thành phố

a) Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phải có phương án phòng cháy, chữa cháy rừng. Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương tham gia tuần tra rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy nơi đóng quân. Chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, thiết bị, sẵn sàng cơ động ứng cứu kịp thời khi có tình huống cháy rừng xảy ra theo kế

hoạch, phương án đã xác định hoặc theo lệnh của cấp trên;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc người được ủy quyền về phương án, biện pháp chỉ đạo, hiệp đồng, chỉ huy thống nhất các lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất các nội dung, hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Sở Y tế

Khi nhận được tin báo cháy rừng, có trách nhiệm bố trí hoặc chỉ đạo các đơn vị y tế trực thuộc bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sơ cấp cứu người bị nạn tại địa điểm xảy ra cháy rừng.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; phổ biến kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm), Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chữa cháy rừng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi gây cháy rừng và làm hạn chế những thiệt hại do cháy rừng gây ra sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý trách nhiệm theo các quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.
2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy chế này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.
3. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Quy chế này bị điều chỉnh hiệu lực thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Kiểm lâm) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4276/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực

hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 3195/TTr-SATTP ngày 01 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026; Bãi bỏ Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mã thủ tục 1.006424	10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ	- Cơ quan giải quyết: Sở An toàn thực phẩm. - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội. - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật Quảng cáo sửa đổi số 75/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc hội, và hợp nhất Luật Quảng cáo tại Văn bản hợp nhất số 88/VBHN-VPQH ngày 22/08/2025 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội (hiệu lực từ ngày 01/01/2013). - Nghị định số 342/2025/NĐ- CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Nghị định số 15/2018/NĐ- CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Nghị định 148/2025/NĐ- CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			- Nghị quyết số 21/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế. - Thông tư số 12/2026/TT-BVHTTDL ngày 22/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công dịch vụ công quốc gia. - Thông tư số 64/2025/TT_BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm; - Quyết định số 1940/QĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BYT ngày 30/6/2026 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4286/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 18369/TTr-STC ngày 08 tháng 7 năm 2026 trình Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4304/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử
giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính
lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4915/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **06** quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

1. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 04 quy trình.

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 02 quy trình.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

Quy trình nội bộ, quy trình điện tử

**giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính
lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
I. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh	
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
2	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
3	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
4	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
II. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	
1	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
2	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH
QUY TRÌNH 01

Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh).

Mã thủ tục: 1.014155

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tương đương 11 ngày làm việc).

5. Phí, lệ phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. (Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

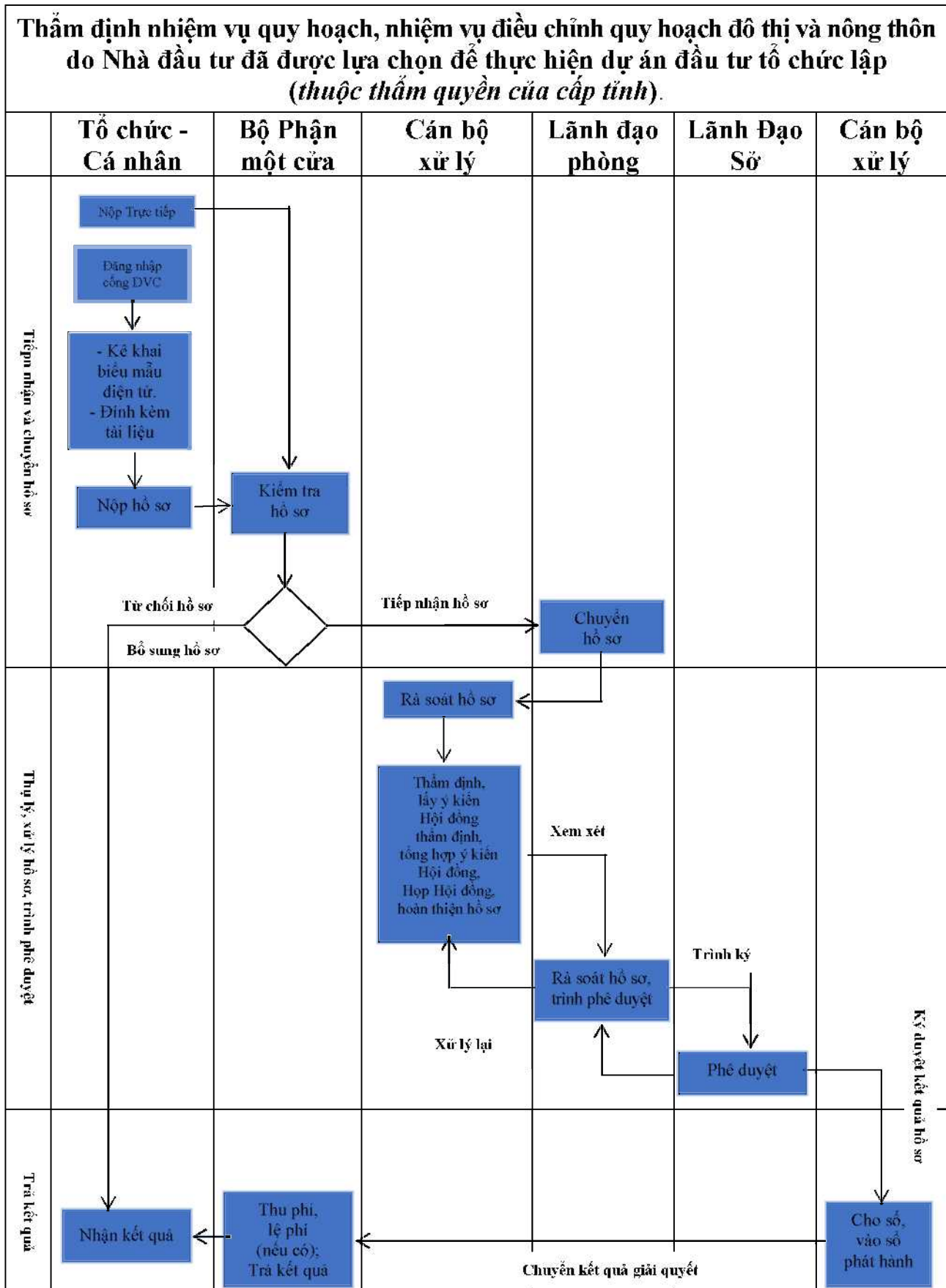
7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	01 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công chuyên viên xử lý.
Bước 3	Xem xét, xác minh hồ sơ	Chuyên viên	06 ngày làm việc	Chuyên viên thụ lý hồ sơ xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
				- Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: + Căn cứ các quy định hiện hành, dự thảo văn bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định và lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu cần ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước). + Tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Dự thảo văn bản gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ nộp lại cơ quan thẩm định (nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu)/Dự thảo báo cáo thẩm định (nếu hồ sơ đạt yêu cầu).
Thời gian các thành viên Hội đồng thẩm định và cơ quan quản lý nhà nước xem xét, có ý kiến là: 07 ngày làm việc (theo khoản 4 Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024), không thuộc thời gian của Quy trình nội bộ. - Thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia là thành viên Hội đồng thẩm định xem xét và có ý kiến bằng Văn bản gửi về cơ quan giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ cần lấy ý kiến Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.				
Bước 4	Rà soát hồ sơ, trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1,5 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo ký Văn bản thông báo cho nhà đầu tư. - Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở giải quyết: + Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo ký văn bản hướng dẫn để nhà đầu tư nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
				+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo ký Báo cáo thẩm định.
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc	Kiểm tra và ký duyệt kết quả do Phòng chuyên môn trình, chuyên Văn thư phát hành.
Bước 6	Phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có). - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



QUY TRÌNH 02**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh).**

Mã thủ tục: 1.014156

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: Trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Phí, lệ phí: Không.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. *(Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa)*

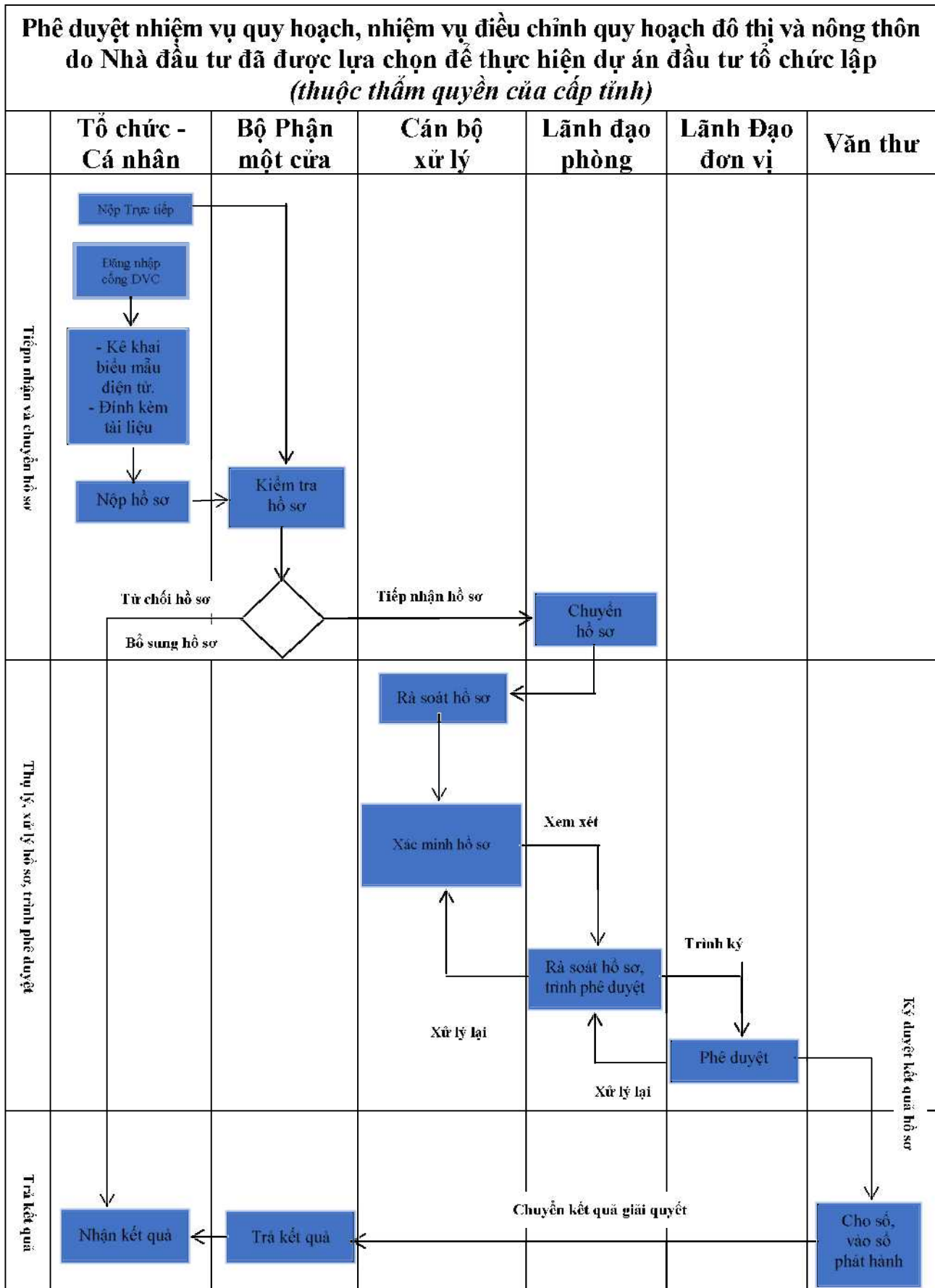
thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng Phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công xử lý.
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn	04 ngày làm việc	Xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
				- Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: căn cứ các quy định hiện hành, dự thảo Văn bản thông báo (đối với HS không đủ điều kiện phê duyệt)/ Quyết định phê duyệt (đối với HS đủ điều kiện phê duyệt), trình lãnh đạo Phòng.
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo đơn vị	Trưởng phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	- Xem xét hồ sơ. - Trình Lãnh đạo phê duyệt.
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo đơn vị	01 ngày làm việc	- Kiểm tra và ký duyệt kết quả do Phòng chuyên môn trình, chuyển bộ phận Văn thư phát hành.
Bước 6	Phát hành	Văn thư	0,25 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



QUY TRÌNH 03

**Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn
do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh).**

Mã thủ tục: 1.014157

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tương đương 11 ngày làm việc) đối với dự án nhà ở xã hội.

5. Phí, lệ phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. (Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (0,25 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng Chuyên môn	01 ngày làm việc (0,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Kiểm tra hồ sơ, phân công xử lý.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Chuyên môn	13 ngày làm việc (6,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư (nêu rõ lý do). - Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: dự thảo văn bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định và lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu cần ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước). - Chuyên viên tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Dự thảo văn bản gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ nộp lại cơ quan thẩm định (nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu)/Dự thảo báo cáo thẩm định (nếu hồ sơ đạt yêu cầu).
<i>Thời gian các thành viên Hội đồng thẩm định và cơ quan quản lý nhà nước xem xét, có ý kiến là: 15 ngày làm việc (theo khoản 6 Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024), không thuộc thời gian của Quy trình nội bộ.</i> - Thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia là thành viên Hội đồng thẩm định xem xét và có ý kiến bằng Văn bản gửi về cơ quan giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ cần lấy ý kiến Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
Bước 4	Xem xét, trình phê duyệt	Trưởng Phòng chuyên môn	1,5 ngày làm việc	Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 5	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	3,5 ngày làm việc (1,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Kiểm tra và ký duyệt kết quả do Phòng chuyên môn trình, chuyển Văn thư phát hành.
Bước 6	Phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc (0,25 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có) theo Phiếu đề nghị của cơ quan có thẩm quyền giải quyết. - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

QUY TRÌNH 04**Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh).**

Mã thủ tục: 1.014158

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tương đương 05 ngày làm việc) đối với dự án nhà ở xã hội (NOXH).

5. Phí, lệ phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

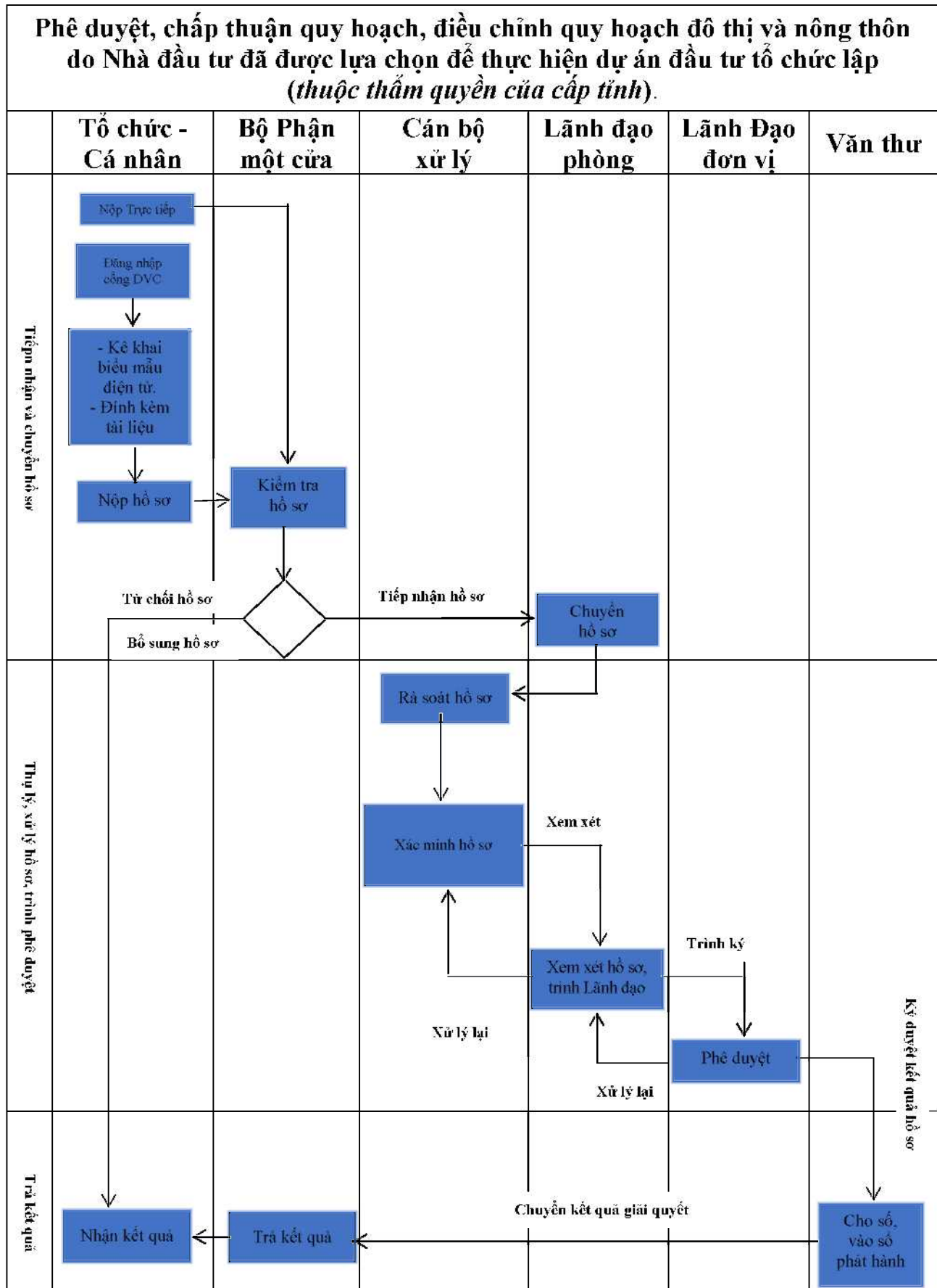
6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. (Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công xử lý.
Bước 3	Xem xét, xác minh hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	05 ngày làm việc (03 ngày làm việc đối với dự án	Xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư. - Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: dự thảo Văn bản thông báo (đối

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
			NOXH)	với HS không đủ điều kiện phê duyệt); Quyết định phê duyệt (đối với HS đủ điều kiện phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn), Văn bản chấp thuận (đối với quy hoạch tổng mặt bằng); trình lãnh đạo Phòng.
Bước 4	Xem xét, trình phê duyệt	Trưởng phòng chuyên môn	01 ngày làm việc (0,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt.
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc (0,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Kiểm tra và ký duyệt kết quả do Phòng chuyên môn trình, chuyển Văn thư phát hành.
Bước 6	Phát hành	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có) theo Phiếu đề nghị của cơ quan có thẩm quyền giải quyết. - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ QUY TRÌNH 01

**Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn
do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập** (*thuộc thẩm quyền của cấp xã*).

Mã thủ tục: 1.014157

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tương đương 11 ngày làm việc) đối với dự án nhà ở xã hội.

5. Phí, lệ phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. (Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

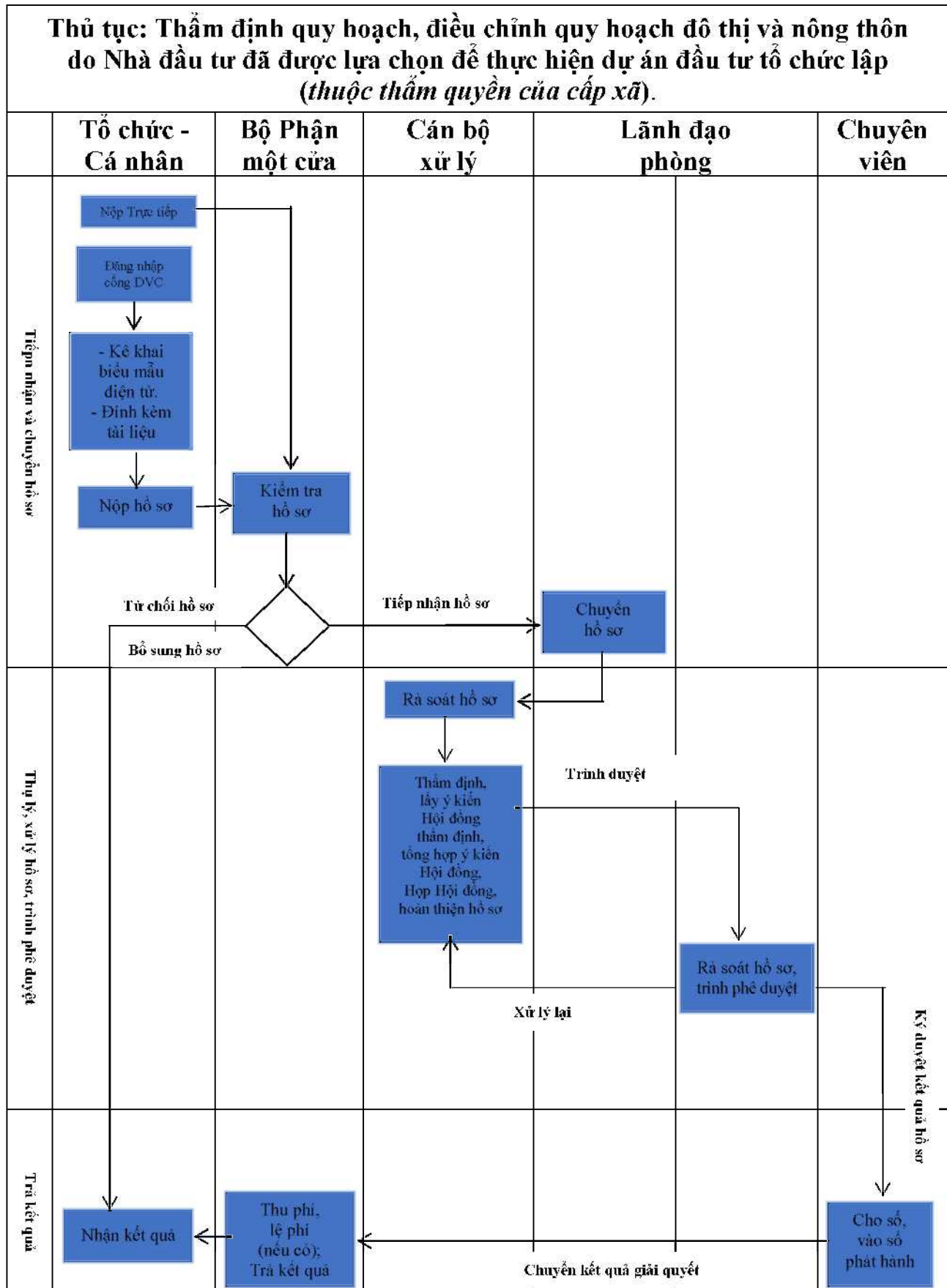
7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Chuyên môn	01 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công xử lý.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến Hội đồng thẩm định, tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ	Chuyên viên phòng Chuyên môn	14 ngày làm việc (07 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư (nêu rõ lý do). - Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: dự thảo văn bản lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định và lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu cần ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước). - Chuyên viên tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Dự thảo văn bản gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ nộp lại cơ quan thẩm định (nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu)/Dự thảo báo cáo thẩm định (nếu hồ sơ đạt yêu cầu).
Thời gian các thành viên Hội đồng thẩm định và cơ quan quản lý nhà nước xem xét, có ý kiến là: 15 ngày làm việc (theo khoản 6 Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024), không thuộc thời gian của Quy trình nội bộ. - Thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia là thành viên Hội đồng thẩm định xem xét và có ý kiến bằng Văn bản gửi về cơ quan giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ cần lấy ý kiến Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
Bước 4	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	3,5 ngày làm việc (1,5 ngày làm việc)	Kiểm tra và ký duyệt kết quả, chuyển Chuyên viên phát hành.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
			đối với dự án NOXH)	
Bước 5	Phát hành	Chuyên viên Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có) theo Phiếu đề nghị của cơ quan có thẩm quyền giải quyết. - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



QUY TRÌNH 02

Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do Nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (thuộc thẩm quyền của cấp xã).**

Mã thủ tục: 1.014158

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:

(i) Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: trực tuyến một phần.

4. Thời gian thực hiện: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tương đương 05 ngày làm việc) đối với dự án nhà ở xã hội (NOXH).

5. Phí, lệ phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

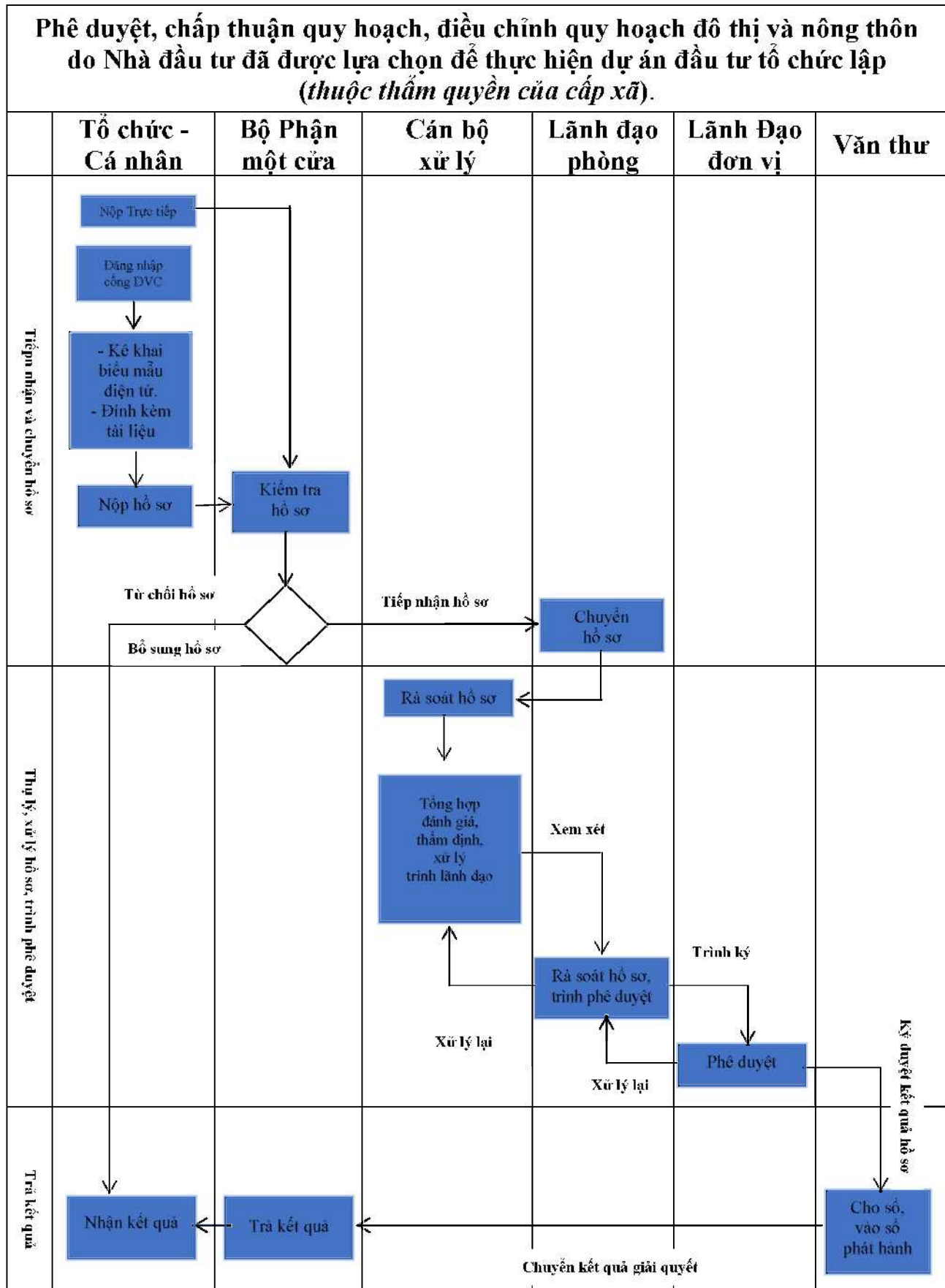
6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Hồ sơ bản giấy hoặc bản sao điện tử. (Điều 22 Thông tư 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng).

7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển hồ sơ cơ quan chuyên môn xử lý	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ, số hóa và ký số hồ sơ điện tử; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Lưu ý: - Đối với hồ sơ thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: hồ sơ được tiếp nhận và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. - Đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ giấy: thì cơ quan tiếp nhận chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công chuyên viên xử lý.
Bước 3	Xem xét, xác minh hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	05 ngày làm việc (03 ngày làm việc đối với dự án	Xem xét, xác minh hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để giải quyết: dự thảo văn bản thông báo cho Nhà đầu tư. - Trường hợp hồ sơ đủ cơ sở để giải quyết: dự thảo Văn bản thông báo (đối

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
			NOXH)	với HS không đủ điều kiện phê duyệt); Quyết định phê duyệt (đối với HS đủ điều kiện phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn), Văn bản chấp thuận (đối với quy hoạch tổng mặt bằng); trình lãnh đạo Phòng.
Bước 4	Xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc (0,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Xem xét lại hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt.
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày làm việc (0,5 ngày làm việc đối với dự án NOXH)	Kiểm tra và ký duyệt kết quả do Phòng chuyên môn trình, chuyển Văn thư phát hành.
Bước 6	Phát hành	Văn thư	0,25 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	- Thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có) theo Phiếu đề nghị của cơ quan có thẩm quyền giải quyết. - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4305/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ
lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 9136/TTr-SYT ngày 08 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **11** thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC PHÒNG
BỆNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên TTHC	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II (Mã TTHC: 1.003580)	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự I.1.1)	- Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; - Quyết định số 2002/QĐ-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế.
2	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III (Mã TTHC: 1.13878)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự A.1)	
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn (Mã TTHC: 1.013884)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự A.2)	
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất (Mã TTHC: 1.013893)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng	

TT	Tên TTHC	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
		bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự A.3)	
5	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm (Mã TTHC: 1.013865)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự A.4)	
6	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng (Mã TTHC: 2.000655)	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự I.1.2)	
7	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mã TTHC: 1.013036)	Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (B.2)	
8	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mã TTHC: 1.013037)	Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (A.2)	
9	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch	

TT	Tên TTHC	Quyết định đã công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
	định HIV dương tính (Mã TTHC: 1.013869)	Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự B.3)	
10	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (Mã TTHC: 1.013873)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự B.4)	
11	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (Mã TTHC: 1.013879)	Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự B.5)	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4308/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
lĩnh vực Đăng kiểm và thay thế linh vực Vật liệu xây dựng
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 24396/TTr-SXD-VP ngày 07 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đăng kiểm và 01 thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM VÀ THAY THẾ LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đăng kiểm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ (Mã TTHC: 1.001319)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh; + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.	Sở Xây dựng cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn: - Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; - Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.	Không	- Thông tư số 22/2026/TT BXD ngày 15/5/2026 của Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ. - Quyết định số 1063/QĐ-BXD ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc
2	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ (Mã TTHC: 1.001319)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh; + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.	Sở Xây dựng cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn: - Kiểm định khí thải xe mô tô,		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.013071)	hồ sơ.	phường Bà Rịa. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	xe gắn máy; - Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; - Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.		phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

B. Danh mục thủ tục hành chính thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức. + Khu	Sở Xây dựng	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và	Thủ tục này thay thế cho thủ tục “Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 nhập khẩu” đã được công bố tại danh mục ban hành kèm theo Quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD. - Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. - Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	định số 1309/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4312/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành
Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích
ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm
2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số
79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ
thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 19901/TTr-SNNMT-KHTC ngày 29 tháng 6 năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4344/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm
2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn
thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP
ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số
13485/TTr-VP ngày 03 tháng 6 năm 2026, ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban
nhân dân Thành phố.*

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4405/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 20710/TTr-SNNMT-CCBVM ngày 03 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4424/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
trước hợp nhất về lĩnh vực quốc phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố tại Tờ trình số 5385/TTr-BTL ngày 17 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ toàn bộ 03 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trước hợp nhất về lĩnh vực quốc phòng, cụ thể:

1. Quyết định số 202/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng.

2. Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân thường trực cấp huyện và cấp xã của tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc bố trí 02 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và chế độ hỗ trợ đặc thù đối với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Khu vực XXVII, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4448/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm
2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành
Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng
Chính phủ trong cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 6003/TTr-SKHCHN ngày 23 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4452/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 9909/TTr-SNV ngày 03 tháng 6 năm 2026; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định**

Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Mạnh Cường**

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax: (028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>